

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 256/2011/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 30 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2012

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản qui phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ; Thông tư 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về Ban hành Qui chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012;

Sau khi xem xét Báo cáo số 159 /BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2011, dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2012; Báo cáo thẩm tra số 52/BC-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2012, như sau:

I. Tổng thu ngân sách địa phương: 4.666.229 triệu đồng.

1. Thu ngân sách trên địa bàn: 585.000 triệu đồng.

Trong đó ngân sách địa phương được hưởng: 580.000 triệu đồng;

1.1. Các khoản thu cân đối ngân sách nhà nước: 431.180 triệu đồng, trong đó:

- Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước: 426.180 triệu đồng.

- Thu từ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT hàng nhập khẩu: 5.000 triệu đồng.

1.2. Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước: 153.820 triệu đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 4.086.229 triệu đồng, trong đó:

2.1. Bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 2.612.446 triệu đồng;

2.2. Bổ sung thực hiện tiền lương tối thiểu: 357.093 triệu đồng

2.3. Bổ sung có mục tiêu: 1.116.690 triệu đồng.

II. Tổng chi ngân sách địa phương: 4.666.229 triệu đồng (theo biểu chi tiết 01; 02 kèm theo Nghị quyết này), trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 3.614.656 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Chi đầu tư phát triển: 224.675 triệu đồng;

1.2. Chi thường xuyên: 3.266.791 triệu đồng;

1.3. Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư cơ sở hạ tầng: 32.000 triệu đồng;

1.4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng;

1.5. Dự phòng ngân sách: 90.190 triệu đồng.

2. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ năm 2012: 897.753 triệu đồng.

3. Các khoản chi được quản lý qua ngân sách nhà nước: 153.820 triệu đồng.

III. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố: 100 %.

IV. Phân bổ ngân sách địa phương (theo biểu chi tiết 03, 04 kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, điều hành dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2012 theo Nghị quyết này, đảm bảo đúng chế độ, chính sách và các qui định hiện hành của Nhà nước. Phấn đấu tăng thu, thực hành tiết kiệm chi, chống lãng phí, sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước.

Trong quá trình điều hành ngân sách có vấn đề phát sinh cần giải quyết, giao Thường trực HĐND tỉnh cùng UBND tỉnh xem xét, xử lý và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2011./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2012

(Kèm theo Nghị quyết số 256 /2011/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2011
của HĐND tỉnh khóa XIII)

ĐVT: Triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2012
<u>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</u>	<u>585.000</u>
-	-
<u>A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN</u>	<u>431.180</u>
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	426.180
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	62.000
- Thuế GTGT	16.400
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.500
- Thuế tài nguyên	44.000
- Thuế môn bài	100
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	40.000
- Thuế GTGT	34.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.840
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	30
- Thuế môn bài	130
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	200
- Thuế GTGT	199
- Thuế môn bài	1
4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	188.284
- Thuế GTGT	174.144
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước	100
- Thuế tài nguyên	5.206
- Thuế môn bài	2.200
- Các khoản thu khác ngoài quốc doanh	634
5. Lệ phí trước bạ	36.500
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	500

7. Thuế thu nhập cá nhân	17.000
8. Thu phí xăng dầu	41.000
9. Thu phí và lệ phí	10.500
10. Thu tiền sử dụng đất	17.000
- Thu cấp quyền sử dụng đất	5.850
- Thu đấu giá đất	11.150
11. Thu tiền thuê mặt đất , mặt nước	7.000
12. Thu tiền thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước	476
13. Thu khác ngân sách	3.000
<i>Trong đó: phân tính cân đối</i>	<i>3.000</i>
14. Thu tại xã	2.720
II. Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu	5.000
Trong đó : + Thuế XK, NK , TTĐB	500
+ Thuế VAT hàng nhập khẩu	4.500
III. Thu viện trợ	
IV. Thu vay để đầu tư XD cơ sở hạ tầng theo khoản 3 điều 8	
V. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính	
B. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN	153.820
<i>Trong đó : Thu Xổ số kiến thiết</i>	<i>8.500</i>
<u>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>4.666.229</u>
A. Các khoản thu cân đối ngân sách	4.512.409
- Các khoản thu 100%	129.967
- Thu phân chia theo tỷ lệ %	296.213
- Thu bổ xung từ NSTW	4.086.229
+ <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>2.612.446</i>
+ <i>Bổ sung tiền lương tối thiểu 830.000 đồng/tháng</i>	<i>357.093</i>
+ <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>1.116.690</i>
B. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	153.820

Biểu số: 02

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2012

(Kèm theo Nghị quyết số 256 /2011/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2011
của HĐND tỉnh khóa XIII)

ĐVT: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN NĂM 2012
TỔNG CHI NSDP (A + B + C + D)	4.666.229
<u>A. Chi cân đối NSDP (I+II+III+IV+V)</u>	<u>3.614.656</u>
I. Chi đầu tư phát triển	224.675
1. Chi xây dựng cơ bản tập trung	209.700
a. Vốn trong nước :	209.700
b. Vốn nước ngoài	
2. Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu sử dụng đất	14.075
- Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	2.925
- Chi đầu tư từ nguồn đấu giá đất	11.150
3. Chi đầu tư và hỗ trợ các DNNN	900
II. Chi thường xuyên	3.266.791
1. Chi sự nghiệp kinh tế	245.166
- Sự nghiệp Lâm nghiệp	6.802
<i>Trong đó: Hỗ trợ trồng rừng sản xuất</i>	200
- Sự nghiệp Nông nghiệp	50.106
<i>Trong đó: + Vốn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp</i>	17.650
- Sự nghiệp Thủy lợi	21.382
<i>Trong đó: Hỗ trợ thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí</i>	12.960
- Sự nghiệp Thủy sản	1.070
<i>Trong đó: Vốn hỗ trợ phát triển thủy sản</i>	150
- Sự nghiệp Giao thông	45.581
- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	24.400
- Sự nghiệp kinh tế khác	95.825
<i>Trong đó: + Chi công tác qui hoạch, quy chủ đất đai</i>	15.000
<i>+ DA phát triển cây cao su</i>	20.000
<i>+ Trích lập quỹ phát triển đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ</i>	2.925
2. Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	1.569.721

- Chi SN giáo dục	1.477.409
- Chi SN đào tạo và dạy nghề	92.312
3. Chi sự nghiệp y tế	393.730
<i>Trong đó: - Khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi</i>	33.615
<i>- Khám chữa bệnh cho người nghèo</i>	147.920
4. Chi Khoa học, công nghệ	10.800
5. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	40.465
<i>Trong đó: - Tài trợ chiếu bóng vùng cao</i>	700
<i>- Toàn dân đoàn kết XD đời sống văn hoá khu dân cư</i>	8.083
6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	21.398
7. Chi sự nghiệp thể dục thể thao	9.109
8. Chi đảm bảo xã hội	86.632
<i>Trong đó: Tăng chi trợ giúp các đối tượng BTXH theo ND 67 CP</i>	32.720
9. Chi quản lý hành chính	553.825
- Chi quản lý nhà nước	384.924
- Chi hoạt động của cơ quan Đảng và các tổ chức Chính trị - XH	163.705
- Chi hỗ trợ hội , đoàn thể	5.196
10. Chi an ninh quốc phòng địa phương	75.761
- Giữ gìn an ninh và trật tự an toàn XH	26.202
- Chi quốc phòng địa phương	49.559
11. Chi khác ngân sách .	195.032
<i>Trong đó: - Hỗ trợ thực hiện Chỉ thị 14</i>	25.000
<i>- Tăng thu dự toán ĐP/DTTW 2011 chưa phân bổ</i>	3.480
12. Chi trợ giá trợ cước	36.344
<i>Trong đó: - Hỗ trợ tiền dầu hỏa thấp sáng</i>	2.311
<i>- HT trực tiếp cho người dân hộ nghèo vùng khó khăn</i>	27.591
13. Chi sự nghiệp môi trường	25.328
14. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	3.480
III. Chi bổ xung quỹ dự trữ tài chính	1.000
IV. Dự phòng	90.190
V. Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư cơ sở hạ tầng	32.000
B. Chi thực hiện CTMT quốc gia, CT 135, DA 5 triệu ha rừng	0
C. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác	897.753

I. Bổ sung mục tiêu (Vốn đầu tư)	772.000
Trong đó: Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài	80.000
II. Bổ sung mục tiêu vốn (Vốn sự nghiệp)	125.753
1. Hỗ trợ kinh phí ổn định ĐCĐC theo QĐ 1342/QĐ-TTg	5.000
2. HT KP sáng tác, HT TP báo chí CLC theo QĐ 1071/QĐ-TTg	575
3. Hỗ trợ KP thực hiện chương trình bố trí dân cư (theo QĐ 193)	3.000
4. Kinh phí thực hiện Nghị Quyết 30a	36.220
5. KP thực hiện đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội phụ nữ theo Quyết định 664/QĐ-TTg	340
6. Đào tạo cán bộ hợp tác xã	650
7. Chương trình quốc gia về bình đẳng giới	490
8. KP thực hiện Đề án phát triển nghề công tác XH theo QĐ 132/2010/QĐ-TTg	1.756
9. Vốn nước ngoài	74.602
10. Kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học	450
11. Chương trình Quốc gia bảo hộ, an toàn, vệ sinh lao động	795
12. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức quản lý nhà nước về tôn giáo	400
13. Chương trình hành động phòng chống mại dâm	900
14. Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em	575
<u>D. Các khoản chi được quản lý qua NSNN</u>	<u>153.820</u>
1. Chi đầu tư	8.500
2. Chi thường xuyên	145.320

